

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 02-4-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An.

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1990.

Cư trú tại: ấp PB, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Bị đơn:** chị Trương Thị KT, sinh năm 2000.

Cư trú tại: ấp PM, xã PC, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Anh T, chị KT cùng vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - anh Phạm Hoàng T trình bày:

Anh và chị Trương Thị KT chung sống với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng anh chung sống tại ấp PB, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng không phát sinh

những mâu thuẫn trầm trọng nhưng do anh phải đi làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, cuối tuần về nhà một lần nên vợ chồng không thể hiểu và thông cảm cho nhau; đồng thời giữa gia đình hai bên cũng có mâu thuẫn, không thể hòa hợp với nhau. Anh và chị KT đã tự ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, chị KT đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, giữa vợ, chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn hạnh phúc. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trương Khải M, sinh ngày 24/8/2020, cháu M hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu M cho chị KT được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Trương Thị KT trình bày:

Chị thống nhất với anh T về thời gian chung sống, thời gian ly thân và việc không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị ban đầu sống chung rất hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn do giữa vợ, chồng không thể hiểu và thông cảm cho nhau; giữa chị cùng gia đình anh T cũng không thể hòa hợp, chung sống với nhau. Chị và anh T đã tự ly thân từ khoảng cuối năm 2020 đến nay, chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Từ khi ly thân, chị và anh T không liên lạc với nhau, anh T cũng không quan tâm đến chị và con, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt. Nay chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là cháu Trương Khải M, sinh ngày 24/8/2020, cháu M hiện đang sống chung với chị, cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh T không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Hoàng T và chị Trương Thị KT.

Về con chung: giao cháu Trương Khải M, sinh ngày 24/8/2020 cho chị Trương Thị KT được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị KT không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh T, chị KT không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh T, chị KT trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: anh Phạm Hoàng T và chị Trương Thị KT vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị KT tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn và đã tự ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn và chị KT cũng đồng ý ly hôn anh T.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh và Ủy ban nhân dân xã PC, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đều xác nhận anh T và chị KT chưa đăng ký kết hôn. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị KT đều xác định việc anh, chị từ khi chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019 đến nay vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của anh T và chị KT là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T.

[3] Về con chung: anh T và chị KT có 01 con chung là cháu Trương Khải M, sinh ngày 24/8/2020, cháu M hiện đang sống chung với chị T. Chị KT yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và anh T cũng đồng ý giao cháu M cho chị KT tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị KT được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị KT không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: anh T, chị KT không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị KT có ý kiến: yêu cầu anh T trả lại tài sản riêng của chị KT là số tiền tiết kiệm bên trong heo đất (Bút lục 25-26). Tuy nhiên, chị KT không xác định được số tiền cụ thể là bao nhiêu và cũng không nộp đơn khởi kiện, nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên không có cơ sở để thụ lý giải quyết trong vụ án này. Sau này giữa anh T, chị KT có phát sinh tranh chấp về tài sản sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: anh T, chị KT trình bày không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Hoàng T và chị Trương Thị KT.

2. Về con chung: giao cháu Trương Khải M, sinh ngày 24/8/2020 cho chị Trương Thị KT được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị KT không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: anh T, chị KT không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: anh T và chị KT trình bày không có nợ.

5. Án phí: anh Phạm Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027582 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi

hành án Dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; anh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Anh T và chị KT có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư